

NHỮNG HÀNH ĐỘNG CHỐNG PHÁ HỘI NGHỊ PARIS VÀ HIỆP ĐỊNH PARIS CỦA NGUYỄN VĂN THIỆU (1967-1975)

ACTIONS AGAINST THE PARIS PEACE CONFERENCE AND THE PARIS PEACE ACCORDS
BY NGUYEN VAN THIEU (1967-1975)

Nguyễn Mạnh Hồng

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

Email: nmhong@dce.udn.vn

TÓM TẮT

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, ngoại giao là một mặt trận quan trọng. Để đánh bại đế quốc Mỹ – tên đế quốc hùng mạnh và hung hãn nhất thế kỷ XX, làm nên Đại thắng mùa Xuân năm 1975, đưa dân tộc ta trở thành “lương tâm của thời đại, phẩm giá của con người” có đóng góp quan trọng của ngoại giao Việt Nam. Hội nghị Paris bàn về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam kéo dài 4 năm 9 tháng (5-1968 đến 1-1973), đã diễn ra vô cùng gay go quyết liệt cả trong và ngoài hội nghị. Phái đoàn chính phủ Việt Nam Cộng hòa là một trong bốn bên tham dự hội nghị nhưng đã chống lại hòa bình, thống nhất và hòa hợp dân tộc, đi ngược lại quy luật lịch sử và nguyện vọng của nhân dân Việt Nam. Bài viết này trình bày những hành động chống phá Hội nghị và cản trở việc ký kết Hiệp định Paris của Nguyễn Văn Thiệu – người đứng đầu nhà nước Việt Nam Cộng hòa.

Từ khóa: hội nghị, hiệp định, ký kết, phá hoại, thi hành

ABSTRACT

In the war against the American, diplomacy was always an important front and it contributed to the great victory of Vietnamese people in Spring 1975. The Paris Peace Conference aimed at ending the war and establishing peace in Vietnam lasted for four years and nine months (May, 1968 to January, 1973) in a very tense manner. The delegation from The Republic of Vietnam, one of the four delegations that attended the conference was against the peace, national unification, the history rules and the aspiration of Vietnamese people. This article presents the actions against the Paris Peace Conference and the Paris Peace Accords by Nguyen Van Thieu - the President of the Republic of Vietnam.

Key words: conference, accords, signing, violating, implementation

1. Đặt vấn đề

Sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết năm 1954, Mỹ thay chân Pháp tiến hành chiến tranh xâm lược Việt Nam. Để thực hiện âm mưu biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự, Mỹ đã dựng nên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm. Trong quãng thời gian gần 10 năm đứng đầu nền Đệ nhất Việt Nam Cộng hòa, Ngô Đình Diệm không làm được như quan thầy Mỹ mong muốn, vì vậy ngày 1-11-1963, Mỹ đã giật dây cho đám tướng lĩnh Sài Gòn làm đảo chính lật đổ anh em Diệm – Nhu, rồi từng bước đưa Nguyễn Văn Thiệu làm tổng thống Việt Nam Cộng hòa. Được Mỹ hậu thuẫn, Nguyễn Văn Thiệu đã xây dựng một chế độ chính trị

phản động đối lập với nhân dân, chống lại sự thống nhất đất nước, chống lại cách mạng, chống phá việc triệu tập Hội nghị Paris, phá hoại việc ký kết, cũng như thi hành “Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam”.

2. Nội dung

2.1. Vài nét về Nguyễn Văn Thiệu và nền Đệ nhị Việt Nam Cộng hòa

Sau khi nền Đệ nhất Việt Nam Cộng hòa sụp đổ vào cuối năm 1963, ngụy quyền Sài Gòn rơi vào khủng hoảng trầm trọng. Chỉ trong vòng 1 năm đã có 13 cuộc đảo chính. Ngày 6-6-1965, giới quân sự Sài Gòn vốn có âm mưu nắm chính quyền đã điều về thủ đô một lực lượng lớn, ép

thủ tướng khi đó là Phan Huy Quát thừa nhận rằng chính phủ nội các dân sự bất lực, không giải quyết được khủng hoảng chính trị và xin từ chức. Quân đội chiếm giữ các vị trí quan trọng trong thành phố Sài Gòn. Trong bối cảnh đó, ngày 12-6-1965, Hội đồng quốc gia lập pháp trao quyền điều hành cho các tướng lĩnh. Ngày 19-6-1965, danh sách chính phủ mới được công bố do Nguyễn Văn Thiệu làm Quốc trưởng và Nguyễn Cao Kỳ làm Thủ tướng. Hội đồng lãnh đạo quốc gia do Nguyễn Văn Thiệu đứng đầu tiến hành xây dựng hiến pháp. Ngày 1-4-1967, Hiến pháp Việt Nam Cộng hòa được ban hành tạo cơ sở pháp lý cho sự ra đời của nền Đệ nhị Việt Nam Cộng hòa. Nhà nước này tồn tại trong 8 năm (1967-1975).

Nguyễn Văn Thiệu sinh ngày 5-4-1923, tại làng Tri Thủy, xã Tân Hải, quận Thanh Hải, tỉnh Ninh Thuận, mất vào ngày 29-9-2001 tại Boston Massachusetts, Hoa Kỳ. Sau khi tốt nghiệp lớp 9, Thiệu lên Sài Gòn học nghề, rồi đăng ký vào học trường sĩ quan lục quân (trường này sau đổi tên là trường Võ bị Đà Lạt). Tháng 6-1949, Thiệu tốt nghiệp với quân hàm thiếu úy, thuộc lực lượng Quân đội Quốc gia Việt Nam. Năm 1955, Nguyễn Văn Thiệu mang quân hàm trung tá, giữ chức Chỉ huy trưởng Trường Võ bị Đà Lạt. Năm 1962, được thăng chức Tư lệnh Sư đoàn 5 bộ binh, hàm đại tá. Năm 1963, Nguyễn Văn Thiệu tham gia lực lượng đảo chính lật đổ Ngô Đình Diệm. Sau đảo chính, Nguyễn Văn Thiệu được phong hàm thiếu tướng.

Khi tướng Nguyễn Khánh thực hiện “chỉnh lý” năm 1964 nắm quyền lãnh đạo chính quyền, Nguyễn Văn Thiệu được cử giữ chức Tham mưu trưởng, sau đó là Tổng trưởng Quốc phòng. Năm 1965, Nguyễn Văn Thiệu được thăng quân hàm Trung tướng. Cũng năm này, chính phủ của Thủ tướng Phan Huy Quát đã giải tán và trao quyền lãnh đạo quốc gia cho Hội đồng Quân lực. Hội đồng tướng lĩnh đã bầu Nguyễn Văn Thiệu giữ chức Chủ tịch Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia và tướng Nguyễn Cao Kỳ làm Chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương. Năm 1967, dưới bàn tay đạo diễn của Mỹ và sự

ủng hộ của lực lượng đảng Dân chủ do Thiệu thành lập, Nguyễn Văn Thiệu được bầu làm Tổng thống Việt Nam Cộng hòa và giữ chức này cho đến 21-4-1975.

Như vậy, cuộc đời binh nghiệp và chính nghiệp của Nguyễn Văn Thiệu tương đối suôn sẻ. Thiệu được coi là mẫu chính trị gia gặp thời, không phải do Mỹ “rút từ trong túi áo ra” như Diệm, nhưng Thiệu đã khôn ngoan, dựa vào Mỹ trong suốt thời gian nắm quyền. Khi là quân nhân cũng như khi trở thành tổng thống, Nguyễn Văn Thiệu không những “nổi tiếng” về sự phản bội dân tộc, về sự xảo quyệt và gian ác, mà còn nổi tiếng với tư tưởng chống cộng và những phát ngôn hiếu chiến.

2.2. Nguyễn Văn Thiệu với Hội nghị Paris (1968-1973) và Hiệp định Paris (27-1-1973)

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đấu tranh ngoại giao là một trong ba mặt trận, trong đó đấu tranh quân sự và chính trị là nhân tố chủ yếu quyết định thắng lợi trên chiến trường, làm cơ sở cho những thắng lợi trên mặt trận ngoại giao. Đặc điểm của đấu tranh ngoại giao là chỉ có thể giành được thắng lợi trên bàn hội nghị trên cơ sở những thắng lợi trên chiến trường. Tuy nhiên đấu tranh ngoại giao vẫn giữ vai trò tích cực, chủ động.

Đầu năm 1965, thực hiện chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, Mỹ đưa hàng chục vạn quân viễn chinh và quân đồng minh của Mỹ vào tham chiến ở miền Nam, dùng không quân và hải quân đánh phá hủy diệt miền Bắc, Đảng Lao động Việt Nam chủ trương mở thêm mặt trận tiến công ngoại giao nhằm tố cáo tội ác của bọn xâm lược Mỹ, vạch trần luận điệu hòa bình bịp bợm của chúng, nêu cao tính chất chính nghĩa, lập trường đúng đắn của ta, tranh thủ rộng rãi sự đồng tình, ủng hộ của quốc tế đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ. Ngày 28-1-1967, Bộ Ngoại giao Việt Nam ra tuyên bố sẵn sàng thương lượng với phía Mỹ để tìm kiếm một giải pháp kết thúc chiến tranh ở Việt Nam. Ngày 31-3-1968, sau đòn bắt ngờ và mạnh mẽ của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân của

quân và dân miền Nam, tổng thống Mĩ Johnson tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra Bắc và bắt đầu nói đến thương lượng với phía Việt Nam. Ngày 13-5-1968, cuộc thương lượng chính thức giữa Phái đoàn Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và đại diện Chính phủ Hoa Kỳ đã họp phiên đầu tiên tại Paris.

Lập trường của Mĩ thời kỳ đầu đàm phán là: cần có sự tham gia của phái đoàn Chính phủ Việt Nam Cộng hòa, Bắc Việt Nam không vi phạm khu phi quân sự, không bắn pháo hay tên lửa vào các thành phố lớn ở miền Nam như Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng. Phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phản đối những đòi hỏi đó và đòi Mĩ phải chấm dứt không điều kiện việc ném bom bắn phá miền Bắc và để Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tham gia hội đàm.

Ngày 21-10-1968, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Việt Nam dân chủ cộng hòa Xuân Thủy thông báo Việt Nam chấp nhận tổ chức một hội nghị bốn bên có liên quan đến chiến tranh để bàn về một giải pháp kết thúc chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Ngày 10-12-1968, Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam cử phái đoàn đi dự Hội nghị Paris do ông Trần Bửu Kiếm làm Trưởng đoàn, bà Nguyễn Thị Bình làm Phó trưởng đoàn. Thái độ của Nguyễn Văn Thiệu là phản đối quyết liệt việc có mặt của phái đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam. Thiệu cho rằng ở miền Nam chỉ có Chính phủ Việt Nam Cộng hòa là chính phủ hợp pháp và duy nhất. Không những chống lại việc triệu tập Hội nghị, phản đối hội nghị bốn bên, Thiệu còn tuyên bố: “Đối với cộng sản Việt Nam không có hội đàm, thương thảo, mà chỉ có đem bom ném lên đầu chúng nó” (5).

Trước thái độ kiên quyết và lập trường sáng ngời chính nghĩa của Phái đoàn ta, do sức ép từ phía Mĩ, ngày 27-11-1968, tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu chấp nhận tham dự Hội nghị bốn bên tại Paris. Ngày 7-12-1968, Phái đoàn Chính phủ Việt Nam Cộng hòa

do Nguyễn Cao Kỳ làm cố vấn, Phạm Đăng Lâm làm Trưởng đoàn rời Sài Gòn đi Paris dự hội nghị. 10h30' ngày 25-1-1969, bốn bên tham gia Hội nghị: Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng hòa đã họp phiên đầu tiên tại Trung tâm hội nghị Quốc tế đặt tại phố Clébe, thủ đô Paris, Cộng hòa Pháp (2; tr357).

Tham dự Hội nghị Paris nằm ngoài tính toán của Nguyễn Văn Thiệu, vì vậy không dừng lại ở việc cản trở việc triệu tập Hội nghị, Nguyễn Văn Thiệu còn là người phản đối quyết liệt nhất việc ký kết Hiệp định Paris. Theo Nguyễn Văn Thiệu, việc ký hiệp định sẽ làm cho Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có được lợi thế đáng kể so với Việt Nam Cộng hòa, người Mĩ sẽ chấm dứt những cam kết và ủng hộ đối với Việt Nam Cộng hòa, đồng nghĩa với việc viện trợ cho chính phủ của Nguyễn Văn Thiệu bị cắt giảm và ưu thế quân sự sẽ nghiêng về phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Trong suốt quá trình đàm phán, do thái độ của Mĩ luôn muốn thương lượng trên thế mạnh, muốn ký một hiệp định có lợi cho mình, còn phía Việt Nam Cộng hòa thì muốn có một nhà nước riêng biệt ở bờ Nam sông Bến Hải, không công nhận Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, nên không thiện chí trong các cuộc đàm phán, Nguyễn Văn Thiệu tìm mọi cách kéo dài đàm phán và trì hoãn việc ký kết hiệp định.

Tháng 10-1972, bản Dự thảo Hiệp định Paris đã hoàn thành, một thời gian biểu ký kết đã được ấn định nhưng Nguyễn Văn Thiệu vẫn cản trở việc ký kết. Thiệu lệnh cho Nguyễn Đổng Phương, đại sứ của mình ở Washington cùng với hai người được ông ta cử sang Hoa Kỳ là Bùi Diễm (cựu đại sứ Việt Nam cộng hòa ở Hoa Kỳ) và Trần Văn Đỗ mở một chiến dịch vận động hành lang từ ngày 5 đến ngày 11-1-1973 đối với những nhân vật đứng đầu Đảng Cộng hòa, Đảng Dân chủ và những nhân vật chủ chốt khác ở cả hai viện trong Quốc hội Hoa Kỳ. Tuy nhiên, mọi cố gắng của Thiệu đã không đạt được kết quả do

tương quan lực lượng ở miền Nam Việt Nam và xu hướng chính trị nước Mỹ cuối năm 1972. Trong bản tường trình gửi về Sài Gòn cho Nguyễn Văn Thiệu, Bùi Diễm nói rằng: “Chiều hướng chung của Quốc hội Hoa Kỳ lúc này là chấm dứt chiến tranh. Vụ oanh tạc bằng B.52 của Mỹ đối với miền Bắc Việt Nam đã gây xúc động tới mức những nghị sĩ trong Đảng Cộng hòa cũng phản đối chính sách của tổng thống và sót ruột vì hòa bình” (5).

Đầu tháng 10-1972, Nguyễn Văn Thiệu nhắc Kissinger: “Nếu Chính phủ Hoa Kỳ đi tới một quan niệm nào về hòa giải, xin vui lòng thông báo cho Chính phủ Việt Nam Cộng hòa”. Trong thư ngày 6-10-1972, Nixon cũng quả quyết với Thiệu rằng: “Sẽ không có một quyết định nào mà không có sự tham khảo với Việt Nam Cộng hòa”. Tuy nhiên, việc kéo dài chiến tranh Việt Nam chỉ mang lại thêm những điều tồi tệ hơn cho nước Mỹ. Do những thất bại trên cả hai miền Nam Bắc Việt Nam năm 1972, do sức ép từ phía Quốc hội và dư luận Mỹ, Tổng thống Mỹ Nixon thấy rằng đến lúc phải có quyết định dứt khoát, phải nhanh chóng đạt được thỏa thuận với Việt Nam, tiến tới ký kết Hiệp định. Tuy nhiên, trên thực tế đến thời điểm tháng 10-1972 Mỹ vẫn quyết định giấu kín thông tin về kết quả đàm phán với phía Việt Nam dân chủ cộng hòa, không thông báo cho Thiệu về nội dung và những thay đổi trong nội dung Hiệp định Paris.

Ngày 17-10-1972, Thiệu nhận được một tập tài liệu bắt được của Việt cộng. Tập tài liệu mang tên “Chỉ dẫn tổng quát về ngưng chiến”, có nội dung lấy từ bản Sơ thảo Hiệp định Paris, tài liệu nói rõ là Mỹ đồng ý cho phép quân đội Bắc Việt ở lại miền Nam sau khi ngưng bắn. Sau này Thiệu kể lại: “Đó là lần đầu tiên tôi biết được mình đã bị qua mặt. Người Mỹ nói với tôi là vẫn còn đang thương thuyết, là chưa có gì dứt khoát cả, thế mà bên kia đã có đầy đủ tin tức rồi”. Như vậy, người Mỹ đã tự ý làm một mình mà không cần biết Thiệu có đồng ý hay không. Tập tài liệu này là minh chứng cho thấy rằng Thiệu bị Mỹ coi thường như thế nào, còn Mỹ thì luôn nói một việc, làm là việc khác... Bản Dự

thảo Hiệp định Paris đã xong nhưng Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu thì vẫn không hay biết gì cả.

Nguyễn Văn Thiệu là sản phẩm của Mỹ, do Mỹ dựng lên để thực hiện những toan tính của Mỹ ở miền Nam Việt Nam, cũng giống như những tay sai khác của Mỹ, Nguyễn Văn Thiệu còn luôn bị Mỹ đe dọa. Trong bức thư đề ngày 6-10-1972, Nixon đã không ngần ngại mà nói thẳng với Nguyễn Văn Thiệu rằng: “Tôi yêu cầu ông cố áp dụng mọi biện pháp để tránh sinh ra sau này một tình huống có thể đưa tới những biến cố tương tự như biến cố mà chúng tôi đã ghê tởm năm 1963” (7).

Sau khi gửi đến 8 bức điện mật từ ngày 5 đến 11-1-1973 nhưng không thuyết phục được Nguyễn Văn Thiệu về một số điều khoản của Hiệp định, đặc biệt là điều khoản liên quan đến quân đội miền Bắc ở lại miền Nam, Nixon đã phải dùng đến những biện pháp quyết liệt nhất, đánh đòn quyết định vào Nguyễn Văn Thiệu. Ngày 16-1-1973, Nixon cử đại tướng Haige đến Sài Gòn đem theo một bức thư, trong thư có đoạn viết: “Chúng tôi đã quyết định dứt khoát sẽ ký tắt Hiệp định ngày 23 tháng 1 năm 1973 tại Paris. Nếu cần, tôi sẽ làm một mình. Trong trường hợp đó, tôi phải công bố rằng Chính phủ của ông cản trở hòa bình. Kết quả sẽ là sự chấm dứt viện trợ kinh tế và quân sự của Hoa Kỳ ngay lập tức và không tránh khỏi”. Để khẳng định sự dứt khoát của mình, sau khi Haige đi, Nixon nói với Kissinger: “Ông sẽ hiểu thế nào là sự tàn bạo nếu tên đầu giả đó không chịu chấp thuận. Ông hãy tin lời tôi” (7).

Không phải chỉ là để đe dọa, người Mỹ cũng đã chuẩn bị phương án loại bỏ Thiệu. Trong cuốn sách “Khi đồng minh tháo chạy”, tác giả Nguyễn Tiến Hưng đã khẳng định rằng: “Nếu Nguyễn Văn Thiệu phản ứng mạnh, Mỹ sẽ lật đổ Thiệu như đã từng làm với Ngô Đình Diệm trước đây” (7).

Đe dọa nhưng Nixon cũng an ủi Thiệu, Nixon cam kết đảm bảo sự tồn tại của Việt Nam Cộng hòa, cam kết với Nguyễn Văn Thiệu rằng

sẽ khôi phục lại việc Hoa Kỳ cho máy bay B52 ném bom không kích chống lại Bắc Việt Nam để trả đũa cho bất kỳ cuộc tấn công tăng cường nào của những người cộng sản Bắc Việt. Trong thư gửi cho Nguyễn Văn Thiệu ngày 16-1-1973, Nixon còn khẳng định rằng: “chính quyền của Thiệu là hợp pháp và duy nhất ở miền Nam Việt Nam” (7).

Đánh giá về Nguyễn Văn Thiệu, tướng Cao Văn Viên, người đã từng là Tổng tham mưu trưởng Quân lực Việt Nam Cộng hòa, một trong những trợ thủ tin cậy của Thiệu trước năm 1975, trong một cuộc phỏng vấn lúc cuối đời, đã có nhận xét và so sánh giữa Nguyễn Văn Thiệu với Ngô Đình Diệm như sau: “Mỗi người độc tài theo cách riêng. Tổng thống Diệm cai trị nước như một quan lại của thời quân chủ, ông bầm sinh chống cộng, tự ban cho mình “thiên mạng” cứu nước. Còn Nguyễn Văn Thiệu, cho dù có thái độ bất hợp tác với cộng sản, cho dù luôn có quan điểm 4 không: không chấp nhận, không thương lượng, không liên hiệp và không nhượng đất cho cộng sản, nhưng dưới áp lực của Mĩ, Nguyễn Văn Thiệu vẫn phải chấp nhận ký kết Hiệp định một cách miễn cưỡng” (5).

Cổ vấn đặc biệt của tổng thống Mĩ tại hội nghị Paris Kissinger trong hồi ký của mình đã dành những lời rất nặng nề để nói về Nguyễn Văn Thiệu. Kissinger đánh giá tổng thống Thiệu là người khôn ngoan, hoạt bát nhưng lại cho rằng, Nguyễn Văn Thiệu đã điều hành quốc sự “tàn bạo”, “ích kỷ, độc ác” với những “thủ đoạn gần như điên cuồng” (5).

Sau gần 20 năm xâm lược và sa lầy ở miền Nam Việt Nam, ngày 27-1-1973, Mĩ phải ký Hiệp định Paris cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, phải âm thầm, cay đắng “cuốn cờ” về nước. Tuy nhiên trên thực tế, Mĩ vẫn tiếp tục viện trợ cho chính quyền Nguyễn Văn Thiệu. Từ 29-1-1973 đến 30-12-1974, Mĩ còn lén lút cung cấp cho quân đội Việt Nam Cộng hòa 694 máy bay, 580 xe tăng, 520 xe bọc thép, 800 pháo, 204 tàu, xuồng chiến đấu, 1.550.000 tấn bom đạn và

2.530.000 tấn xăng dầu...



Hội trường quốc tế của Bộ Ngoại giao Pháp tại phố Clébe (Paris), nơi diễn ra lễ ký Hiệp định Paris ngày 27-1-1973.

Không ngăn được việc ký kết Hiệp định Paris, Thiệu quay sang phá hoại việc thi hành Hiệp định. Ngày 28-1-1973, Thiệu đưa ra kế hoạch “tràn ngập lãnh thổ”, sau đó là kế hoạch “kiện toàn an ninh lãnh thổ”, đẩy mạnh “bình định đặc biệt”, tiếp tục thực hiện “Việt Nam hóa chiến tranh”, chống lại hòa bình, hòa hợp dân tộc. Thực hiện mệnh lệnh của Nguyễn Văn Thiệu, chính quyền Sài Gòn đã huy động toàn bộ quân địa phương và 40% quân chủ lực tiến hành càn quét lấn chiếm vùng do cách mạng kiểm soát. Trong thời gian từ 28-1-1973 đến 31-11-1974, quân đội Sài Gòn đã mở 58.082 cuộc càn quét, ném hơn 17 vạn quả bom, bắn hơn 6 triệu quả đạn pháo, giết và làm bị thương hơn 26.500 dân thường, cưỡng ép thêm hơn 1,6 triệu người vào trong 333 khu tập trung dân trong đó có 163 khu mới lập sau ngày ký Hiệp định Paris... (8)

Hiệp định Paris về “Chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam” được ký kết ngày 27-1-1973. Nhưng trước khi Hiệp định được ký kết, ngày 23-1-1973, Nguyễn Văn Thiệu đã ban hành công điện gửi Thủ tướng chính phủ, các đô, tỉnh, thị trưởng, tổng tham mưu trưởng và tư lệnh các quân đoàn, quân khu, ra lệnh treo cờ trên toàn quốc, nhằm tràn ngập lãnh thổ bằng cờ quốc gia để xác nhận phần đất và phần dân.

Cùng ngày, thực hiện công điện của Nguyễn Văn Thiệu, tướng Cao Văn Viên, Tổng Tham mưu trưởng quân đội Việt Nam Cộng hòa ra lệnh cho quân đội thực hiện chiến dịch “tràn ngập lãnh thổ”, yêu cầu các nơi nhận ngay quốc

kỳ tại cơ quan tiếp vận, theo tiêu chuẩn mỗi quân nhân 3 lá và thực hiện cấm cờ tại các vị trí trọng yếu. Ngày 24-1-1973, Trần Thiện Khiêm, Thủ tướng chính quyền Sài Gòn, ban hành Công điện mật hỏa tốc ra lệnh cho các đô, tỉnh và thị trưởng phải cấp tốc ra thông cáo bắt buộc mỗi tư gia phải treo một quốc kỳ.

Về phía nhân dân ta, chúng ta chủ trương thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Paris nhưng cũng kiên quyết giáng trả đích đáng những hành động lấn chiếm của chính quyền Sài Gòn, bảo vệ thành quả cách mạng. Sau khi quân Mỹ rút khỏi miền Nam Việt Nam, tương quan so sánh lực lượng ở miền Nam có lợi cho cách mạng. Trong 2 năm 1973-1974, quân và dân miền Nam đã tích cực xây dựng lực lượng mọi mặt, tạo thế và lực để tiến hành tổng tiến công và nổi dậy mùa

xuân năm 1975 thắng lợi, đánh đổ ngụy quân, ngụy quyền Sài Gòn, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

3. Kết luận

40 năm đã trôi qua kể từ ngày Hiệp định Paris được ký kết, chiến tranh đã lùi vào dĩ vãng, đất nước ta đã và đang diễn ra biết bao đổi thay to lớn, những vết thương chiến tranh đã được hàn gắn, nhân dân hai miền Nam - Bắc đang lao động sáng tạo trong hòa bình để đưa dân tộc ta tiến kịp các nước tiên tiến trên thế giới. Bài học rút ra từ lịch sử là nếu kẻ nào phá hoại sự thống nhất đất nước, đi ngược lại lợi ích của nhân dân, của dân tộc thì nhất định sẽ bị lịch sử nghiền nát, bởi vì “Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Đình Biên (chủ biên) 2005, *Ngoại giao Việt Nam 1945-2000*, NXB CT Quốc gia.
- [2] Lưu Văn Lợi – Nguyễn Anh Vũ (2002), *Các cuộc thương lượng Lê Đức Thọ Kissinger tại Paris*, NXB Công an Nhân dân.
- [3] Trung tâm KHXH&NV Quốc gia – Viện Sử học (2004), *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1945-1975)*, NXB GD.
- [4] Nguyễn Khắc Viện (1970), *Nam Việt Nam: từ MTDTGPMNVN đến CPCMLT*, NXB HN.
- [5] <http://vnexpress.net> - Nguyễn Văn Thiệu và Hội nghị Paris.
- [6] <http://wikipedia.org> - *Sứ mệnh lịch sử của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.*
- [7] <http://wikipedia.org> - *Hiệp định Paris nhìn từ phía bên kia.*